

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA XÃ HỘI NHÂN VĂN

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 2, năm học 2024-2025

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Độc tiếng Trung Sơ cấp 2		
Mã học phần:	242_71MAR240022	Số tín chỉ:	02
Mã nhóm lớp học phần:	242_71MAR240022_01		
Hình thức thi:	Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	60 phút
Đề thi lần thứ:	☒ Lần 1	☐ Lần 2	
Thí sinh được tham khảo tài liệu:	☐ Có	☒ Không	

III. Nội dung câu hỏi thi

I. CĂN CỨ NỘI DUNG PHÁN ĐOÁN ĐÚNG SAI (1.5 ĐIỂM / 0.3 ĐIỂM)

1. 今天的汉字课就到这里，大家有什么不懂的问题，下课后可以来问我。

★ 他上完课了。

A. 对

B. 错

ANSWER: A

2. 我爸爸不爱喝咖啡，他喜欢喝茶，每天上午都会喝几杯热茶。

★ 爸爸觉得茶不好喝。

A. 错

B. 对

ANSWER: A

3. 虽然这儿离我家不远，但是到我家的车不太多，所以我每次都要等 20 多分钟。

★ 从那儿去他家的车少。

A. 对

B. 错

ANSWER: A

4. 桌子上有张纸条 (/zhǐtiáo/: giấy note)，上面有小谢的电话，你给他打个电话，他想让你和他一起去买电脑。

★ 小谢想买个新手机。

A. 错

B. 对

ANSWER: A

5. 中国人的名字是姓在前名在后，很多人的姓都是一个字，但是也有两个字的。

★ 中国人的姓都是一个字的。

A. 错

B. 对

ANSWER: A

II. LỰA CHỌN ĐÁP ÁN THÍCH HỢP ĐỂ HOÀN THÀNH ĐỐI THOẠI (1.5 Đ / 0.3 Đ)

Vd: 你知道怎么去那儿吗? (E. 当然。我们先坐公共汽车, 然后换地铁。)

1. 你等我等了多长时间? ()

2. 他身体怎么样了? ()

3. 假期你想做什么? ()

4. 昨天你怎么没来? ()

5. 你有什么好办法吗? ()

♦♦♦♦♦

A. 我得去打工。

B. 差不多一个小时。

C. 有问题时不要太着急。我觉得崔浩一定可以帮我们的忙。

D. 他已经好了。

E. 当然。我们先坐公共汽车, 然后换地铁。

F. 对不起, 我把这件事忘了。

III. ĐIỀN TỪ THÍCH HỢP VÀO CHỖ TRỐNG (2.0 ĐIỂM / 0.25 ĐIỂM)

差不多

担心

快

可是

虽然

机会

懂

外国人

上课的时候, 我能听 (①) 老师说的话。 (②) 到了大街上, 很多中国人说的话我常常听不懂。坐出租车的时候, (③) 我很喜欢跟司机聊天儿, 但是他们说话太 (④), 我常常听不懂。

我生病住院的时候, 也 (⑤) 听不懂医生和护士说的话。可是他们知道我是 (⑥), 跟我说话很慢, 我 (⑦) 都能听懂。还有, 很多中国人也喜欢跟我聊天儿。我每天能有 (⑧) 跟这么多中国人练习汉语, 感觉很不错。

IV. ĐỌC ĐOẠN VĂN TRẢ LỜI CÂU HỎI (3.0 ĐIỂM / 0.75 ĐIỂM)

汉思来北京已经三个月了, 他一直在留学生宿舍住。住宿舍, 上课很方便。可是两个人住一个房间, 他觉得不舒服, 也不方便。

他决定 (/juéding/: quyết định) 出去租房子住, 但是到哪儿去找合适的房子呢? 上星期他去看了几套房子, 都不太满意。有的房子不错, 但是离学校太远, 没有公共汽车 (/gōnggòng qīchè/: xe bus); 有的房子交通 (/jiāotōng/: giao thông) 方便, 但是房租太贵。他都找了一个星期了, 还是没有找到合适的房子。

Câu hỏi:

1. 汉思来北京多长时间了？
2. 汉思在哪儿住？
3. 汉思为什么要租房子？
4. 汉思找到合适的房子吗？

V. SỬ DỤNG HÁN TỰ CHO SẴN TỎ THÀNH TỪ CÓ Ý NGHĨA (2.0 ĐIỂM / 0.4 Đ)

办 字 礼 语 学
放 惯 报 结 期

1. () 名、名 ()
2. () 习、习 ()
3. () 婚、婚 ()
4. () 假、假 ()
5. () 法、法 ()

Hết

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I.	1-A, 2-A, 3-A, 4-A, 5-A	1.5 điểm	
II.	1-A, 2-A, 3-A, 4-A, 5-A	1.5 điểm	
III.	Điền từ thích hợp vào chỗ trống ① 懂 ② 可是 ③ 虽然 ④ 快 ⑤ 担心 ⑥ 外国人 ⑦ 差不多 ⑧ 机会	2.0 điểm	
IV.	Đọc đoạn văn trả lời câu hỏi 1. 汉思来北京三个月了。 2. 汉思在留学生宿舍住 3. 汉思觉得住宿舍不舒服，也不方便。 4. 还没有。	3.0 điểm	
V.	Hãy căn cứ vào chữ cho sẵn, tổ thành từ có ý nghĩa 1. 报名、名字 2. 学习、习惯 3. 结婚、婚礼	2.0 điểm	

	4. 放假、假期 5. 办法、法语		
	Điểm tổng	10.0	

Người duyệt đề

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2025
Giảng viên ra đề

TS. Phạm Đình Tiến

ThS. Trương Mỹ Vân